TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN Ô MÔN** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 52/2025/HNGĐ-ST Ngày: 15 - 5 - 2025 Về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Trần Thanh Thế.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Trãi.
2. Ông Võ Tự Trị.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phan Thị Như Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 15 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 106/2025/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2025 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Đ**, sinh năm 2001. *(xin vắng mặt)*
Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện L, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Anh **Võ Minh L**, sinh năm 1999. *(xin vắng mặt)*
Địa chỉ: Khu vực A, phường H, quận M, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 13/02/2025, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Đ trình bày:***

Vào năm 2022, do quen biết nên chị và anh Võ Minh L đã tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H theo quy định. Quá trình chung sống, chị và anh L có 01 con chung là cháu Võ Hoài L1 (nam, sinh ngày 26/5/2022). Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng gần đây thì có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, bất hòa về tình cảm và kinh tế gia đình nên thường hay cãi nhau. Chị và anh L đã nhiều lần hàn gắn nhưng không có kết quả nên chị đã bỏ về nhà cha mẹ ruột để ở từ tháng 9/2024 đến nay. Nay chị yêu cầu ly hôn với anh L.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Võ Hoài L1 (nam, sinh ngày

26/5/2022) hiện đang sống chung với chị. Chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu L1 đến trưởng thành, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

**** Tại Bản tự khai ngày 10/4/2025, bị đơn anh Võ Minh L trình bày:***

Anh và chị Nguyễn Thị Đ là vợ chồng sống chung vào năm 2022. Cuộc hôn nhân do tự nguyện, được sự đồng ý của hai bên gia đình đứng ra cưới gả, anh và chị Đ có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H theo quy định. Quá trình chung sống, anh và chị Đ có 01 con chung là cháu Võ Hoài L1 (nam, sinh ngày 26/5/2022). Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên thường hay cự cãi. Anh đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng để duy trì hạnh phúc gia đình nhưng không có kết quả. Nay anh đồng ý ly hôn với chị Đ.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Võ Hoài L1 (nam, sinh ngày 26/5/2022) hiện đang sống chung với chị Đ. Anh đồng ý giao cháu L1 cho chị Đ nuôi dưỡng đến trưởng thành, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Đ và bị đơn anh Võ Minh L có đơn xin vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: chị Đ và anh L tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và điều chỉnh. Quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn, chị Đ khởi kiện ly hôn và yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng con chung nên quan hệ pháp luật được xác định là "Tranh chấp ly hôn, nuôi con", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ô Môn theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Đ, bị đơn anh L có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét quan hệ hôn nhân: Chị Đ và anh L là vợ chồng, có đăng ký kết hôn vào ngày 17/02/2022 tại Ủy ban nhân dân phường H, quận M, thành phố Cần Thơ.

chị Đ cho rằng trong thời gian chung sống chị và anh L có phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, bất hòa về tình cảm và kinh tế gia đình. Mặc

dù vợ chồng cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên chị xin được ly hôn với anh L.

Anh L cũng thừa nhận giữa anh và chị Đ có mâu thuẫn do không có tiếng nói chung, vợ chồng thường hay cãi nhau, hôn nhân không hạnh phúc nên anh cũng đồng ý ly hôn với chị Đ. Điều đó cho thấy, mâu thuẫn giữa các đương sự đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị Đ đối với anh L là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị Đ và anh L cùng xác định, trong thời gian chung sống, anh chị có 01 con chung là cháu Võ Hoài L1 (nam, sinh ngày 26/5/2022) hiện đang sống chung với chị Đ. Nay chị Đ có yêu cầu được nuôi dưỡng cháu L1 đến trưởng thành, anh L đồng ý.

Xét đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, sự thỏa thuận này có đảm bảo quyền, lợi ích chính đáng của trẻ nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Anh L được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; không ai được ngăn cản anh L thực hiện quyền này.

Về việc cấp dưỡng nuôi con, chị Đ không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận và không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Đ và anh L cùng xác định trong thời gian chung sống, chị Đ và anh L không có tài sản chung và nợ chung. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đ phải chịu án phí không có giá ngạch là 300.000 đồng theo quy định tại Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Đ.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Đ được ly hôn với anh Võ Minh L.

2/ Về con chung: Giao cháu Võ Hoài L1 (nam, sinh ngày 26/5/2022) cho

chị Nguyễn Thị Đ nuôi dưỡng đến trưởng thành, anh Võ Minh L không cấp dưỡng nuôi con.

Anh Võ Minh L được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; không ai được ngăn cản anh L thực hiện quyền này.

3/ Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Đ và anh Võ Minh L cùng xác định không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Đ phải nộp số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng).* Chuyển số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* chị Đ đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004948 ngày 25/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ thành án phí.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND Q. Ô Môn;
- Chi cục THADS Q. Ô Môn;
- UBND P. Thới Hòa;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Bùi Trần Thanh Thế